

|            |            |         |         |
|------------|------------|---------|---------|
| Ngày       | 36,700 VNĐ |         |         |
| 31/03/2024 |            |         |         |
| Thay đổi   | 1 tháng    | 3 tháng | 6 tháng |
|            | -4.4%      | -6.4%   | -13.3%  |

|                       |                 |
|-----------------------|-----------------|
| Sàn giao dịch         | UPCOM           |
| Khoảng giá 52 tuần    | 29,820 - 43,191 |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ)      | 716             |
| Số lượng CPLH (CP)    | 19,511,389      |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 1,046           |
| Sở hữu nước ngoài     | 0.0%            |
| Beta                  | 1.33            |
| EPS                   | 3,826           |
| P/E                   | 9.6             |

DT thuần

Q1/24

167

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.0| 20.9%

YoY: ▼ 25.0| -13.1%

LN trước thuế

Q1/24

13.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 10.0| -42.6%

YoY: ▼ 0.80| -5.9%

LN sau thuế

Q1/24

10.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 11.2| -50.8%

YoY: ▼ 0.20| -2.1%

ROA

2023

10.8%

+/- YoY: ▼ 4.5%

DT thuần

2023

716

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 221| -23.5%

LN trước thuế

2023

81.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 52.5| -39.3%

LN sau thuế

2023

73.4

tỷ VNĐ

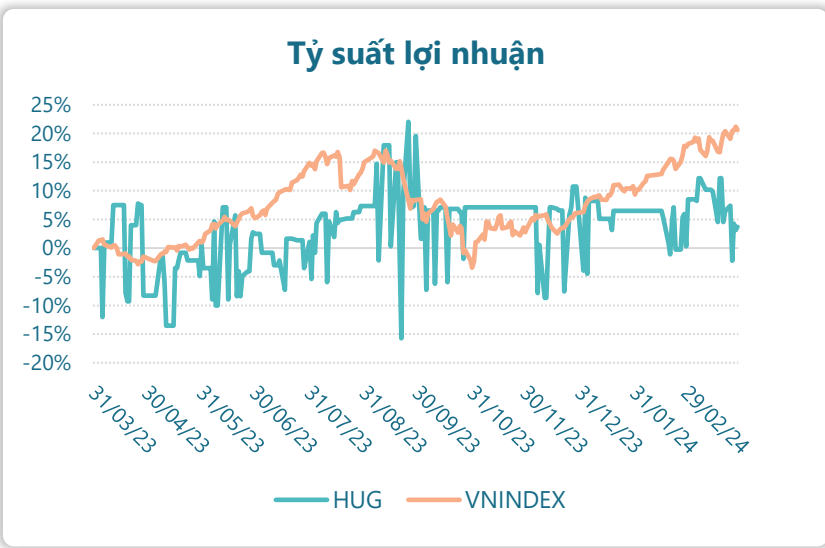
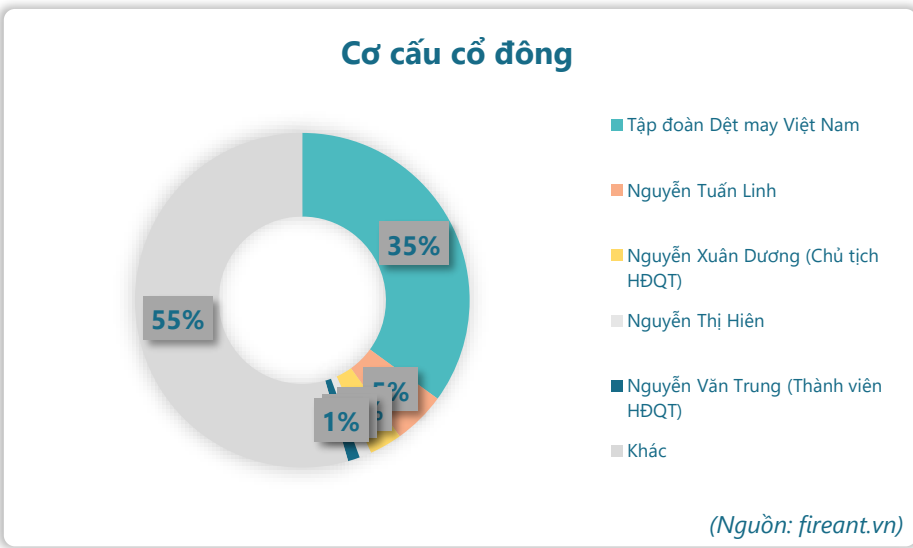
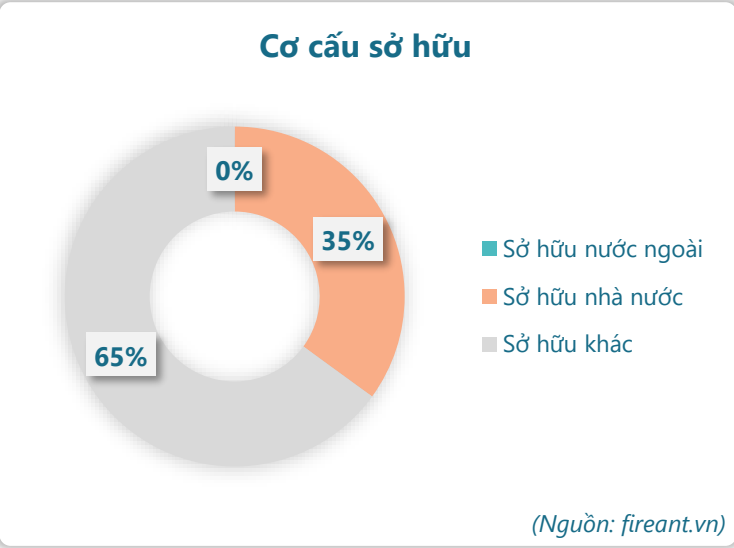
YoY: ▼ 42.6| -36.4%

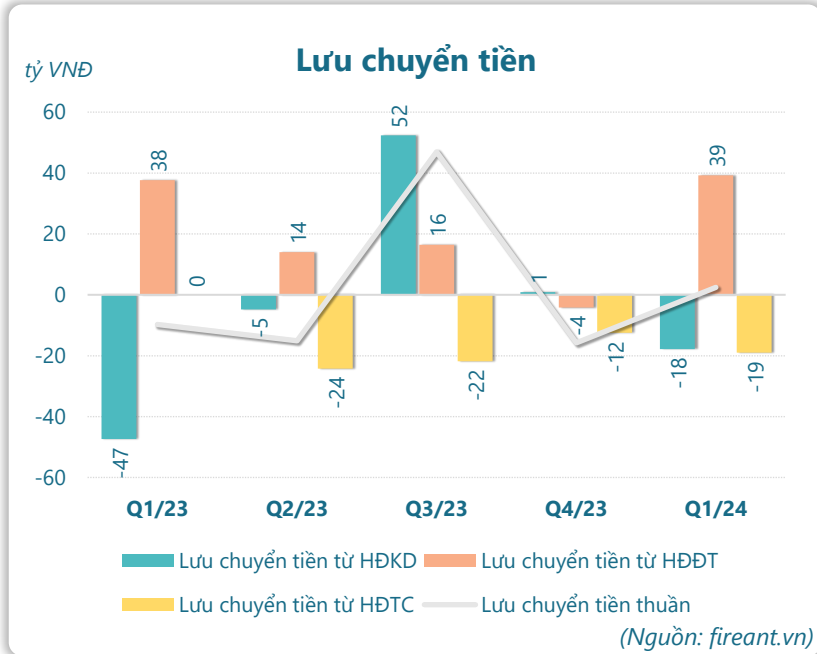
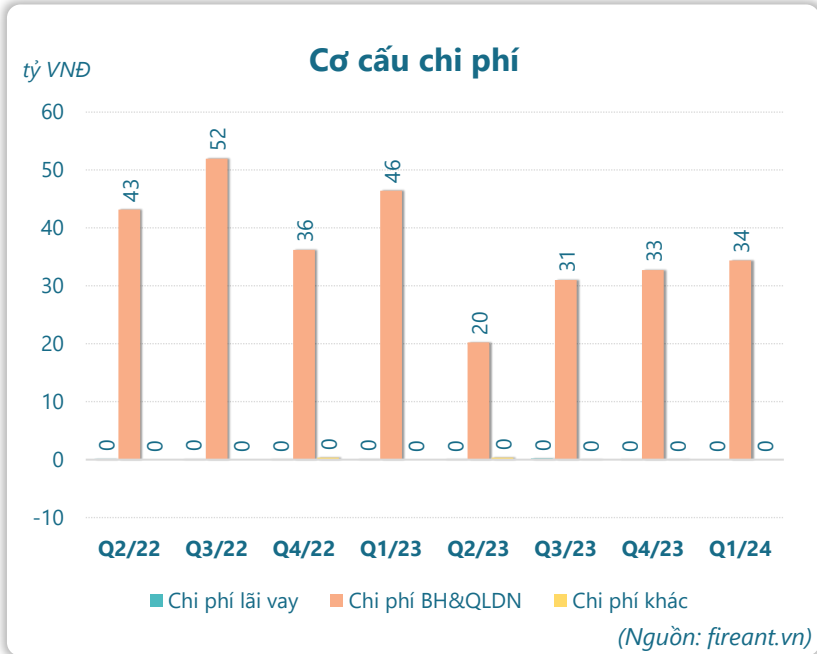
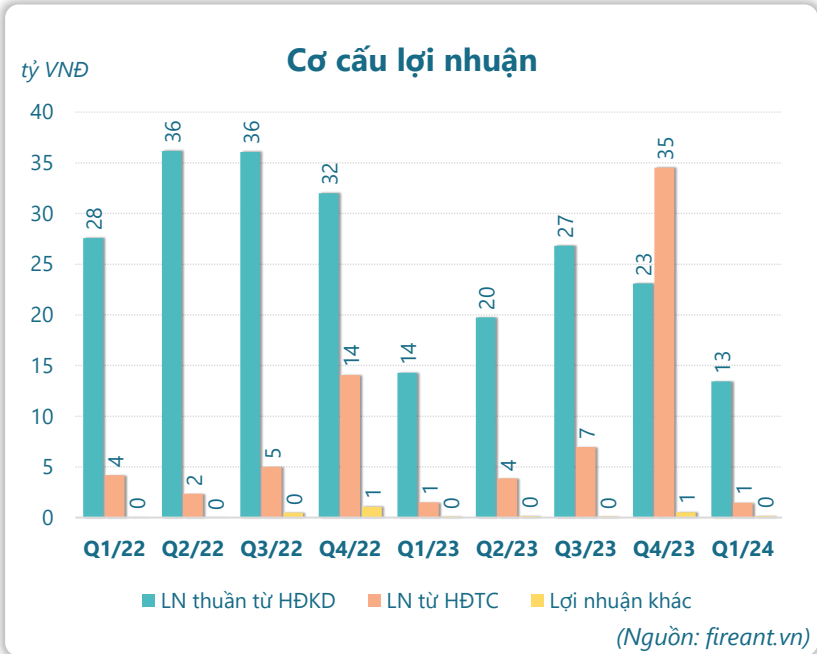
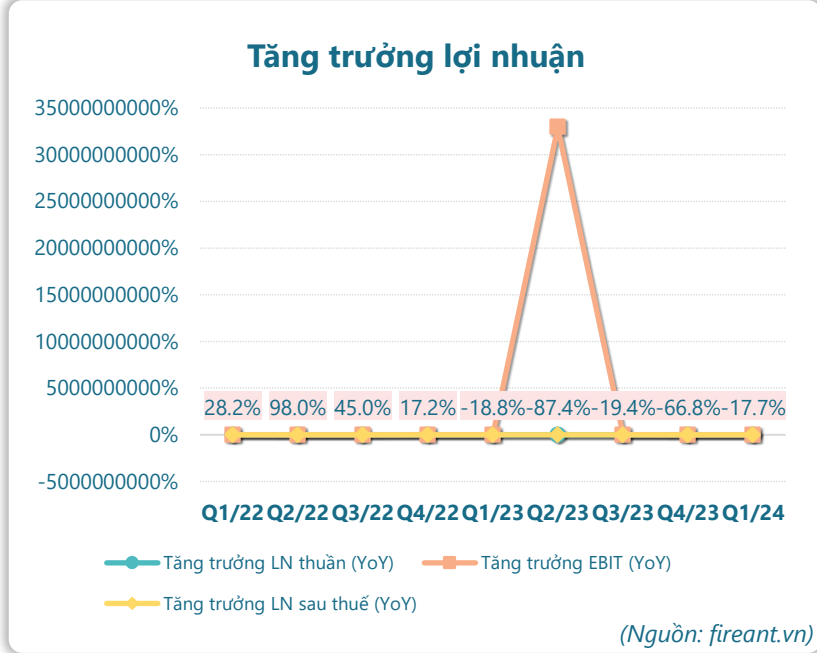
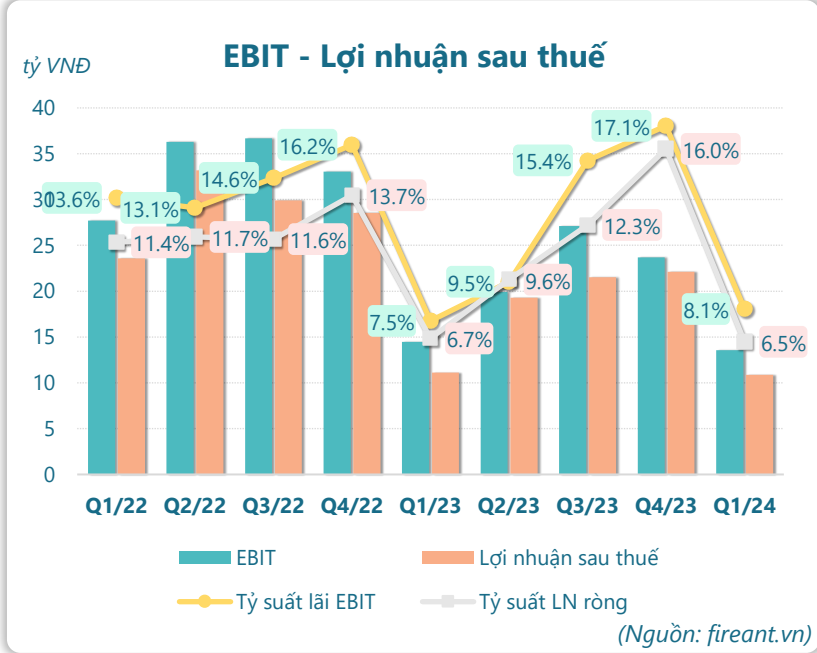
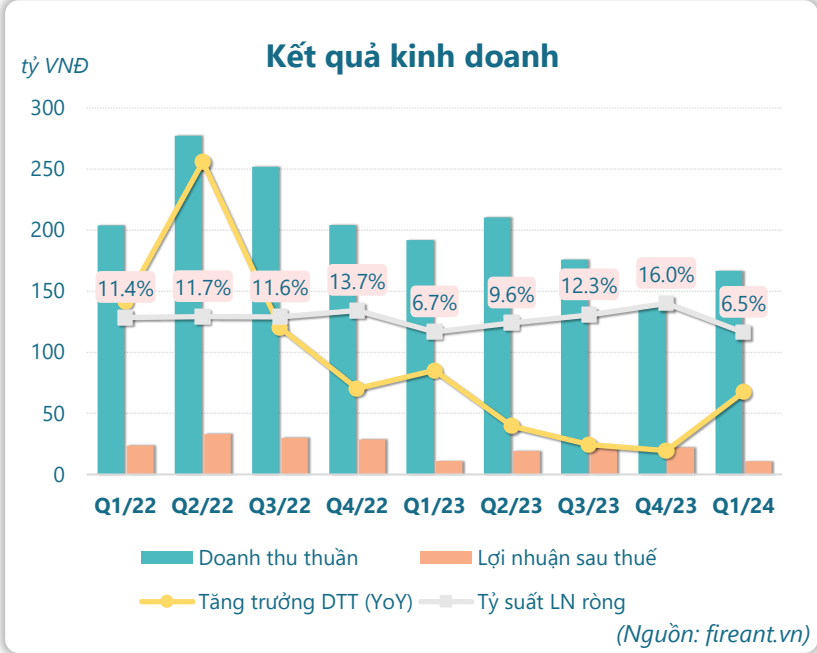
ROE

2023

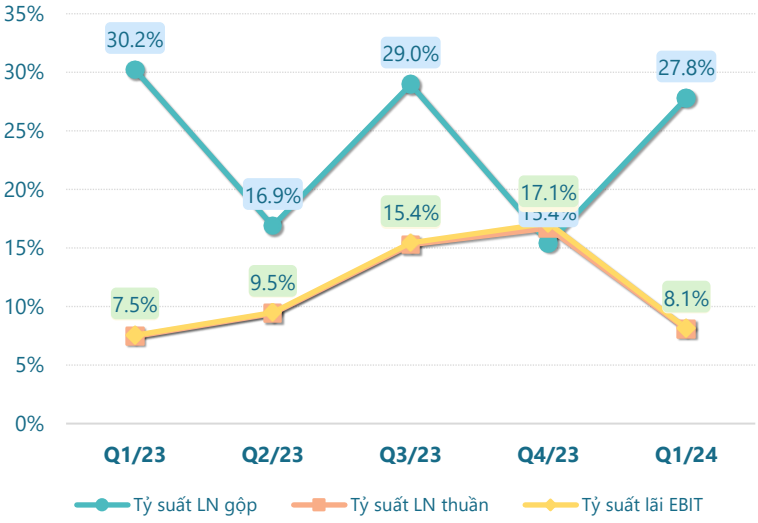
21.0%

+/- YoY: ▼ 8.0%



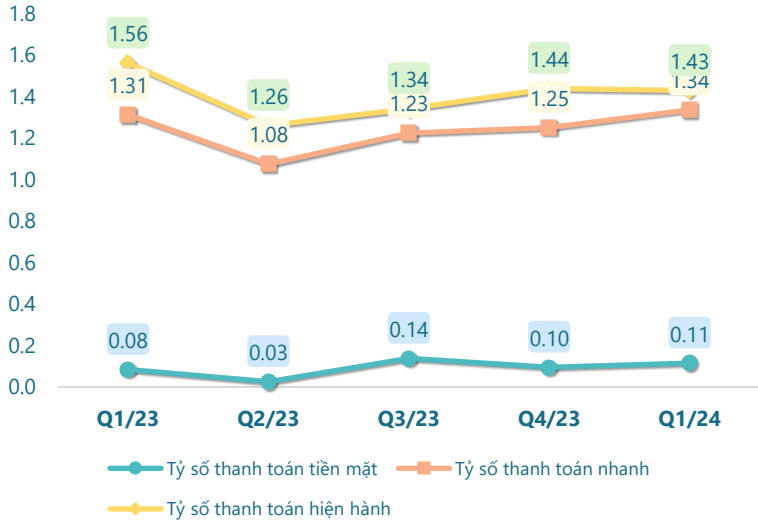


Tỷ suất lợi nhuận



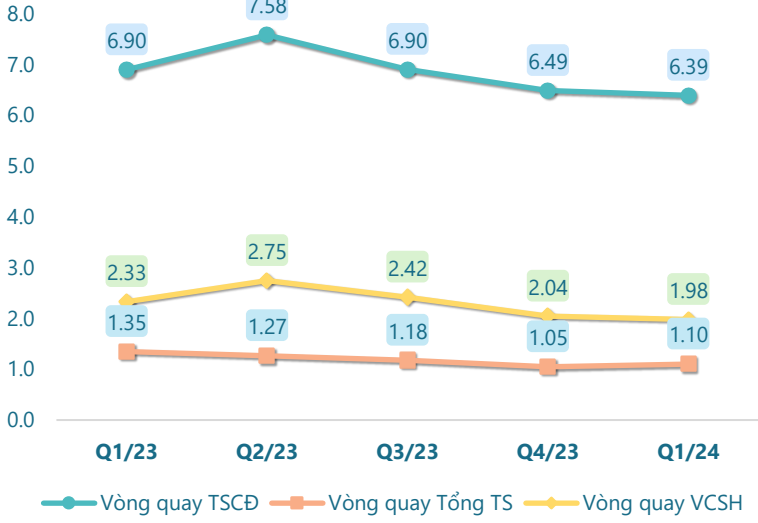
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



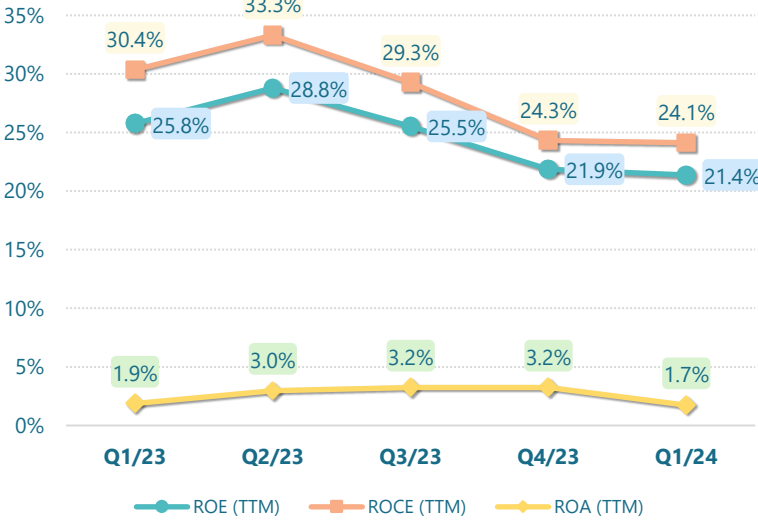
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



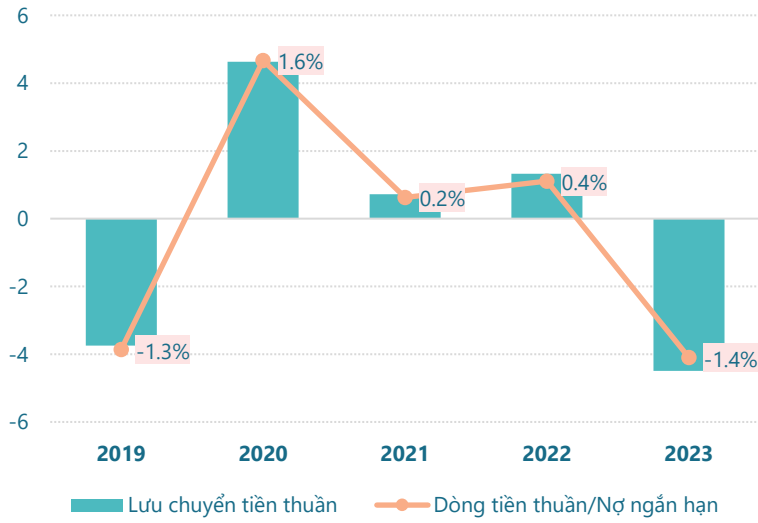
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



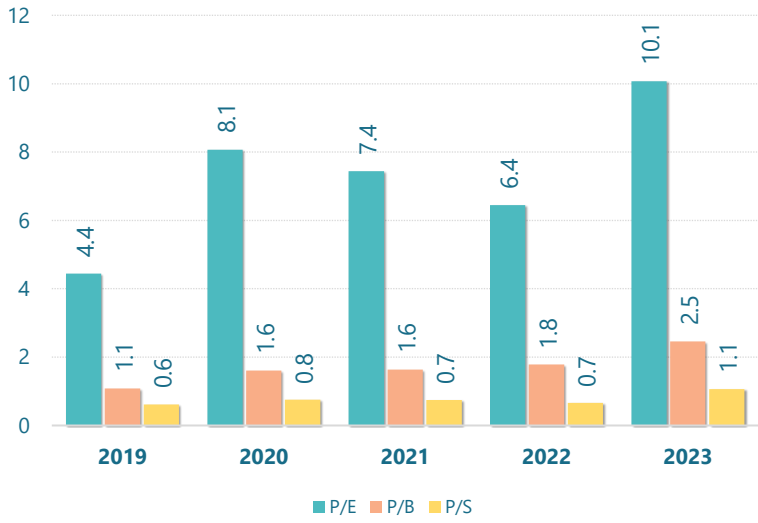
(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

Nhóm chỉ số định giá



(Nguồn: fireant.vn)